TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 tháng 02 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 30/01/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã TM, thành phố B, tỉnh B.

(Có đơn xin vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn L, xã TM, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn C đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại UBND xã TM, huyện YD (nay là thành phố B), tỉnh B. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn, chị và anh C về chung sống với nhau ngay tại thôn L, xã TM. Thời gian đầu, vợ chồng chung

sống hạnh phúc. Đến năm 2018-2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C ham chơi lô đề, dẫn đến nợ nần, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Năm 2019, anh C bỏ đi làm ăn xa, chỉthi thoảng mới về nhà, không quan tâm cũng không đóng góp tiền để chị nuôi con. Vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Đỗ Huy Đ sinh ngày 15/7/2010 và Đỗ Hoàng Như Q sinh ngày 19/12/2016. Hiện nay, hai con đều đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân công ty May xuất khẩu Hà Bắc, thu nhập khoảng 13 triệu triệu/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Đỗ Văn C đều không đến Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện quan điểm.

* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản làm việc ngày 01/11/2022, bà Đỗ Thị H (mẹ anh Đỗ Văn C) cung cấp: Anh C chị T kết hôn năm 2009. Sau khi kết hôn, anh C, chị T sinh sống tại thôn L, xã TM. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ cH xảy ra xích mích, cãi nhau. Nguyên nhân do anh C chơi lô đề dẫn đến nợ nần. Gia đình có khuyên bảo nhưng anh C không nghe theo, bỏ nhà đi làm ăn từ năm 2018 đến nay. Mỗi khi anh C gọi điện về hay về thăm nhà thì chỉ quan tâm đến con cái, không quan tâm gì đến chị T. Nay chị T xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án động viên để chị T, anh C đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Tại Biên bản xác minh ngày 01/11/2022, trưởng thôn L, xã TM, thành phố B cung cấp: Quan hệ hôn nhân giữa anh C, chị T có phát sinh mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ, chỉ biết hiện vợ chồng hiện đã ly thân từ năm 2019. Anh C, chị T có hai con chung, hiện đều đang ở cùng chị T.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn anh C vắng mặt.

* Ngày 30/01/2023, bị đơn anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh C tiếp tục vắng mặt. Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên quan điểm trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn C.

- Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T nuôi hai con chung là Đỗ Huy Đ sinh ngày 15/7/2010 và Đỗ Hoàng Như Q sinh ngày 19/12/2016. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đỗ Văn C cư trú tại xã TM, thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn Đỗ Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn ngày 22/12/2009 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, T và anh C có mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt, chị T cương quyết ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Tvề việc ly hôn anh Đỗ Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị T và anh C có hai con chung là Đỗ Huy Đ sinh ngày 15/7/2010 và Đỗ Hoàng Như Q sinh ngày 19/12/2016. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, chị T có việc làm, nơi ở ổn định, sau khi vợ cH mâu thuẫn cả hai con chung đều ở cùng chị T nên nên để tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển tâm, sinh lý, ổn định việc sinh hoạt của con chung, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3] Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị T nuôi hai con chung Đỗ Huy Đ-sinh ngày 15/7/2010 và Đỗ Hoàng Như Q-sinh ngày 19/12/2016. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001802 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị T đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã TM, TP B, tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Phương Thảo